TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2024/DS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cảnh Liêm
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 151/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Huỳnh Thị Gái C ; nơi cư trú: tổ 8, khu phố 2, P.Hải Cảng, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

*1.2.*Võ Văn T ; nơi cư trú: tổ 8, khu phố 2, P.Hải Cảng, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn:

2.1. Đỗ Thị G , nơi cư trú: tổ 13, khu phố 3, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2.2. Anh Văn Đình T , nơi cư trú: tổ 13, khu phố 3, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Huỳnh Thị Gái C và anh Võ Văn T trình bày:

Giữa chị Gái C và anh Tửng với chị G , anh T có quan hệ quen biết với nhau. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2023 (nhằm ngày 28 tháng 3 năm 2023 Âm lịch) chị G , anh T có hỏi mượn của anh chị số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn), thời hạn mượn 4 tháng, mục đích mượn để làm sổ nhà, theo tờ giấy mượn tiền đề ngày 17/5/2023. Tuy nhiên cho đến nay đã hết thời hạn, nhiều lần anh chị yêu cầu chị G , anh T trả nợ nhưng chị Gái, anh T không trả. Nay anh chị yêu cầu chị Đỗ Thị G , anh Văn Đình T phải có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Đỗ Thị G , anh Văn Đình T đã được Tòa đã thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng chị G , anh T không chấp hành triệu tập của Tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành triệu tập của tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Huỳnh Thị Gái C , ông Võ Văn T .

- Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị G , ông Văn Đình T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Gái C, ông Võ Văn T số tiền là: 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Vợ chồng bà Đỗ Thị G , ông Văn Đình T còn phải trả tiền lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS kể từ ngày 18/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí: Vợ chồng bà Đỗ Thị G, ông Văn Đình T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ vay của chị Đỗ

Thị G,anh Văn Đình T . Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý, giải quyết vụ án Dân sự theo thẩm quyền về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Đỗ Thị G , anh Văn Đình T . Chị G , anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện đòi chị Đỗ Thị G , anh Văn Đình T trả số tiền vay 300.000.000 đồng. Chị Gái C , anh T đã cung cấp cho Tòa giấy mượn tiền do chị G , anh T ký xác nhận ngày 17/5/2023 (nhằm ngày 28 tháng 3 năm 2023 âm lịch). Theo nội dung giấy mượn tiền thể hiện chị G , anh T có mượn tiền của chị Gái C , anh T số tiền 300.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn cho mượn 04 tháng. Quá trình giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ đúng quy định pháp luật về hình thức và nội dung theo đúng quy định tại các điều 117, 179 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Chị Gái C, anh T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn. Đến hạn bị đơn không trả tiền theo thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Gái C , anh T đòi chị G , anh T trả số tiền vay 300.000.000 đồng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: thời hạn vay được hai bên thoả thuận là 04 tháng. Xét thấy trường hợp vay mà các bên đương sự tranh chấp là vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lại lãi suất trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả theo quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 486; khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, thời điểm tính lãi suất vay là từ 18/9/2023 đến 31/7/2024 (thời điểm Toà án xét xử sơ thẩm). Cụ thể lãi suất được tính như sau: 300.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 312/30 ngày = 25.989.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí DSST:

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là Nghị quyết 326): chị Đỗ Thị Gái, anh Văn Đình Thành phải chịu 15.937.000 đồng án phí có giá ngạch do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận đối với số tiền gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn là đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tốtụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 117,179,466,468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Gái C và anh Võ Văn T

1. Buộc chị Đỗ Thị G , anh Văn Đình T phải thanh toán cho chị Huỳnh Thị Gái C và anh Võ Văn T số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và 25.989.000 đồng tiền lãi; tổng cộng là 325.989.000 đồng.

2. Về án phí: chị Đỗ Thị G , anh Văn Đình T phải chịu 16.299.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Gái C và anh Võ Văn T tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai số 0000865 ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp.Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn,Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 455/2022/TLST-DS ngày 08/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh Trà; Cư trú: Đội 5, thôn Phụng Tường 1, xã Hoà trị, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Oanh Kiều; Địa chỉ: Tổ 22, KV5, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, Bình Định. Hiện đanh chấp hành hình phạt tù tại trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

(Biểu quyết 3/3- 100%)

+ Về nội dung :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh Trà

(Biểu quyết 3/3- 100%)

Tuyên xử:

- Buộc chị Trần Thị Oanh Kiều phải trả cho chị Lê Thị Thanh Trà tiền nợ gốc là 270.000.000đ.

(Biểu quyết 3/3- 100%)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận tự nguyện của chị Lê Thị Thanh Trà không yêu cầu tính lãi .

(Biểu quyết 3/3- 100%)

2- Về án phí DSST:

Chị Trần Thị Oanh Kiều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.750.000đ

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Nga số tiền tạm ứng án phí 6.750.000đ đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002856 ngày 08/11/2022 của Cơ quan thi hành án Dân sự TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân **Nguyễn Đình Thọ** **Cao Thị Phương Thảo**